TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUYÊN MỘC** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST
Ngày 9-01-2018
V/v tranh chấp yêu cầu ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYÊN MỘC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phùng Thị Khánh Vân
Bà Đoàn Thị Mến

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh Thị Kim Thùy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mtham gia phiên tòa***: ông Đỗ Đình Luyến - Kiểm sát viên.

Ngày 9 tháng 01 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện M xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 438/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp yêu cầu ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2017/QĐXX-ST ngày 27 tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên toà số 99/2017/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Hồng C - Sinh năm: 1977;

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện M, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đặng Tuấn N - Sinh năm: 1977;

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện M, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là bà Phạm Thị Hồng C trình bày :

Vào năm 1997, bà Phạm Thị Hồng C tự nguyện chung sống với ông Nguyễn Đặng Tuấn N trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới và đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận số 30/1997 ngày 17 tháng 10 năm 1997 tại UBND xã B, huyện M, tỉnh BR-VT.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng trong quan điểm sống, ông N không chăm lo, quan tâm cho gia đình, thường xuyên cờ bạc, đi uống rượu về

rồi về đánh đập bà C, dẫn đến quan hệ vợ chồng không còn hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Bà C và gia đình nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông N không thay đổi. Từ đó, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc và phải ly thân từ tháng 02/2017 đó đến nay.

Trong thời gian ly thân, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Nay, bà C cho rằng không còn tình cảm với ông N nữa, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống để xây dựng gia đình hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với ông N.

Về con chung: Bà C xác định bà và ông N có với nhau 02 người con chung là Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 01/01/2006 và Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 29/10/1998. Trong khoảng thời gian vợ chồng sống ly thân thì bà C là người trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Tình trạng sức khỏe của các cháu hiện nay rất tốt. Nay, nếu ly hôn, bà C có yêu cầu trực tiếp nuôi cháu Tài. Đối với cháu D đã trên 18 tuổi, bà C không yêu cầu gì.

Về cấp dưỡng: Bà C không có yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà C không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn là ông Nguyễn Đặng Tuấn Ngọc:

Trong quá trình Tòa án giải quyết đã thực hiện các thủ tục tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng ông Nguyễn Đặng Tuấn N vắng mặt không có lý do.

Tòa án đã xác minh chính quyền địa phương về địa chỉ nơi cư trú thể hiện ông N có địa chỉ rõ ràng; có đăng ký nhân khẩu thường trú tại địa chỉ ông N cung cấp nhưng thường xuyên vắng nhà nên không lấy được ý kiến của ông N.

Đại diện VKS nhân dân huyện Mphát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng*: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa. Bị đơn ông Nguyễn Đặng Tuấn N triệu tập nhiều lần không đến là vi phạm nghĩa vụ nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt là đúng pháp luật.

- *Về nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Nguyễn Đặng Tuấn N có nơi cư trú tại huyện M nên căn cứ theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Bị đơn ông Nguyễn Đặng Tuấn N đã được Toà án triệu tập lần thứ hai để tham gia phiên toà sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N.

[2] Về nội dung:

[2.1] **Về yêu cầu ly hôn:**

Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị Hồng C và ông Nguyễn Đặng Tuấn N trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện M ngày 17/10/1997. Do vậy, theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đủ cơ sở xác định là hôn nhân hợp pháp.

Bà C và ông N chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 01 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà C trình bày là do bất đồng quan điểm, thường xuyên gây gỗ, cải vã, đánh nhau, ông N đam mê cờ bạc làm cho kinh tế gia đình lâm vào tình cảnh khó khăn nên bà C làm đơn xin ly hôn với ông N. Trước yêu cầu xin ly hôn của bà C, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà C và ông N đã sống ly thân nhau hơn 01 năm. Theo biên bản xác minh ngày 30/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện M thể hiện: giữa hai vợ chồng bà C có xảy ra mâu thuẫn do ông N đam mê cờ bạc làm gia đình rơi vào cảnh khó khăn về kinh tế; ông N và bà C khoảng 10 năm nay ít khi ở gần nhau, nay hai bên khó có thể khắc phục để quay về sống hạnh phúc. Theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình*", " *Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau"*. Tuy nhiên, cuộc sống vợ chồng giữa bà C và ông N không đạt được những điều đó. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành triệu tập ông N nhiều lần đến hòa giải và tham gia phiên toà nhằm tạo điều kiện để vợ chồng quay về đoàn tụ xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng ông N đã không có mặt, điều đó thể hiện ông N không có thiện chí hàn gắn quan hệ hôn nhân của mình.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà C và ông N đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó nên căn cứ khoản 01 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C.

[2.2] **Về con chung**: Bà C xác định vợ chồng có 02 người con chung là Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 29/10/1998 và Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 01/01/2006 . Xét, cháu D đã trên 18 tuổi, bà C không có yêu cầu gì; đối với cháu T thì bà C có đủ điều kiện nuôi con, cháu T đang sống ổn định với bà C, phát triển tốt cả về thể chất lẫn tinh thần. Ông N không có ý kiến gì về yêu cầu trực tiếp nuôi con chưa thành niên của bà C. Căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con chung và theo nguyện vọng của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho bà C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Bà C không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] **Về tài sản chung, nợ chung**: Bà C không có yêu cầu; ông N trong quá trình giải quyết vụ án cũng không có ý kiến gì. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Phạm Thị Hồng C phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường Vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Hồng C. Bà Phạm Thị Hồng C được ly hôn với ông Nguyễn Đặng Tuấn N.

2. *Về con chung*: Bà Phạm Thị Hồng C được quyền trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên tên Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2006 cho đến khi trưởng thành (18 tuổi).

Về cấp dưỡng: Không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, ông Nguyễn Đặng Tuấn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*:

- Bà Phạm Thị Hồng C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số TU/2016/0009305 ngày 5 tháng 10 năm 2017 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện M. Bà C đã nộp xong tiền án phí.

- Ông Nguyễn Đặng Tuấn N không phải chịu án phí sơ thẩm.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục THADS huyện Xuyên Mộc;
- UBND xã Bình Châu;
- Các đương sự;
- Lưu:VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Tuyền